

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày: 05-5-2020
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thật.

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hoàng Hạng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/5/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2019/TLST-DS, ngày 08/5/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U – Sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T – Sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Ông Mai Văn T – Sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2019, bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà có cho bà Huỳnh Thị T vay tiền nhiều lần để làm ăn với tổng số tiền là 13.000.000đ. Đến ngày 13/01/2017 al, do bà T thiếu tiền bà L (người cùng địa phương) số tiền 7.000.000đ, bà L nợ bà cùng số tiền 7.000.000đ nên bà L với bà T mới thỏa thuận bà T sẽ nhận trả cho bà luôn số tiền 7.000.000đ này, tổng cộng số tiền bà T thiếu bà là 20.000.000đ (13.000.000đ + 7.000.000đ). Hai bên tổng kết nợ vào ngày 23/4/2017 al, bà T có ký giấy biên nhận nợ giao cho bà giữ và hẹn khi nào bán đất xong sẽ trả tiền cho bà. Bà T còn thỏa thuận trả tiền lãi cho bà mỗi ngày 20.000đ, sau 02 tháng sẽ trả mỗi ngày 30.000đ. Bà T trả cho bà được tổng cộng 7.200.000đ tiền lãi đến ngày 28/3/2019 al thì không trả nữa.

Ngoài ra, bà có cho bà T mượn thêm 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân 05 ly vàng 18k để làm giấy chứng minh, bà T đem đi cầm tại Tiệm vàng Lợi Phong tại chợ V vào ngày 18/6/2017 số tiền 1.200.000đ đến nay vẫn chưa chuộc lại trả cho bà nên bà yêu cầu bà T đưa biên nhận cầm đồ cho bà giữ để làm bằng chứng. Do bà T mượn vàng của bà nhưng không thừa nhận nên lúc làm đơn khởi kiện ra Tòa bà có yêu cầu bà T trả 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân 05 ly vàng 24k, loại 9999 đính hột kim cương 04 ly trị giá lúc mua là 8.000.000đ. Nay bà xác định lại chỉ yêu cầu bà T trả 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân 05 ly vàng 18k.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị T cùng chồng là ông Mai Văn T phải trả cho bà số tiền vay gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), khấu trừ 7.200.000đ tiền lãi bà T đã đóng vào tiền lãi và tính lãi trên số tiền vay 20.000.000đ từ ngày 23/4/2017 al đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu giải quyết buộc bà T, ông T phải trả cho bà trả 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân 05 ly vàng 18k thì bà xin rút yêu cầu.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại các Biên bản hòa giải ngày 11/6/2019, 06/11/2019 và 13/01/2020, bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà Huỳnh Thị T thừa nhận: Trước đây, giữa bà và bà U có thỏa thuận cho vay tiền làm ăn với nhau nhiều lần. Đến ngày 23/4/2017 al, bà và bà U tổng kết nợ với nhau là bà còn thiếu bà U số tiền vay gốc 20.000.000đ, bà U cho bà trả dần mỗi ngày 20.000đ cho đến khi hết nợ và không trả lãi nữa. Bà đã trả dần cho bà U được số tiền 7.200.000đ đến ngày 28/3/2019 al thì không trả nữa do bà yêu cầu bà U trừ 7.200.000đ vào tiền vốn nhưng bà U không đồng ý mà nói tiền đó tính vào tiền lãi nên bà không đồng ý tiếp tục trả dần. Bà yêu cầu trừ số tiền đã góp cho bà U tổng cộng là 7.200.000đ vào tiền gốc (20.000.000đ – 7.200.000đ), còn lại là 12.800.000đ bà xin trả dần mỗi tháng 300.000đ và không đồng ý yêu cầu tính lãi của bà U vì bà cho rằng lúc tổng kết nợ bà U đã có tính lãi rồi.

Đối với yêu cầu của bà U đòi bà phải trả 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân 05 ly vàng 18k thì bà không đồng ý vì bà không có mượn chiếc nhẫn của bà U đem cầm như bà U trình bày. Còn Biên nhận cầm đồ của tiệm vàng Lợi Phong mà bà U nộp cho Tòa là của bà làm mất, bà U lượm được rồi lấy có kiện đòi bà chứ thật ra bà không có mượn nhẫn vàng của bà U.

Về việc bà U khởi kiện chồng bà ông Mai Văn T bà không đồng ý, tuy số tiền bà vay của bà U là để bà làm vốn mua bán phục vụ cuộc sống trong gia đình nhưng nợ này là do bà và bà U tự thỏa thuận với nhau, không có liên quan gì đến chồng bà là ông Mai Văn T nên bà tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà U.

Đối với đồng bị đơn ông Mai Văn T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông T nhưng ông T vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải

quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử nên cần khắc phục. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 463, 468, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải trả cho bà 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân 05 ly vàng 18k. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U buộc bà Huỳnh Thị T, ông Mai Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền vay gốc 20.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật, khấu trừ lại số tiền 7.200.000đ vào tiền lãi, nếu còn yêu cầu trừ tiếp vào số tiền gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên bà Nguyễn Thị U khởi kiện bà Huỳnh Thị T, ông Mai Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên Tòa, bà Huỳnh Thị T với tư cách là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; đồng bị đơn ông Mai Văn T vắng mặt lần thứ 2 nhưng không có lý do. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U và bị đơn bà Huỳnh Thị T công nhận với nhau: Thời gian từ năm 2016, giữa bà U và bà T có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau nhiều lần với tổng số tiền gốc bà U cho bà T vay là 13.000.000đ. Đến ngày 13/01/2017 al, do bà T thiếu bà L (người cùng địa phương) số tiền 7.000.000đ, bà L nợ bà U cùng số tiền 7.000.000đ nên bà L với bà T mới thỏa thuận là bà T sẽ nhận trả cho bà U số tiền 7.000.000đ của bà L, tổng cộng số tiền bà T thiếu bà U là 20.000.000đ, hai bên tổng kết nợ vào ngày 23/4/2017 al.

Sau đó, bà U cho bà T trả dần (trả góp) cho bà được tổng cộng số tiền 7.200.000đ đến ngày 28/3/2019 al thì bà T không trả nữa, do bà U yêu cầu trừ số tiền đã góp vào tiền lãi còn bà T yêu cầu trừ vào tiền gốc. Tại biên bản hòa giải ngày 13/01/2020, bà U và bà T đều thống nhất khấu trừ số tiền 7.200.000đ mà bà T đã trả cho bà U vào tiền gốc, bà T còn nợ lại bà U số tiền 12.800.000đ nhưng đến nay bà T vẫn chưa thực hiện nên tại phiên Tòa bà U thay đổi ý kiến là trừ số tiền 7.200.000đ vào tiền lãi. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị U đòi bà Huỳnh Thị T, ông Mai Văn T có nghĩa vụ trả đủ 01 lần cho bà số tiền vay gốc tổng cộng là 20.000.000đ và tính lãi trên số tiền vay 20.000.000đ từ ngày 23/4/2017 al đến ngày xét xử theo lãi suất Nhà nước. Quá trình giải quyết vụ kiện, bà T thừa nhận có nợ bà U số tiền tổng cộng 20.000.000đ, bà yêu cầu khấu trừ đi số tiền đã góp là 7.200.000đ, bà đồng ý trả cho bà U số tiền còn lại là 12.800.000đ và xin trả dần mỗi tháng 300.000đ cho đến khi hết nợ, còn yêu cầu tính lãi thì bà T không đồng ý vì cho rằng lúc tổng kết nợ bà U đã có tính lãi rồi nhưng yêu cầu của bà không được bà U chấp nhận. Đối với ông T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông không có mặt cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà U nộp cho Tòa án nên không có căn cứ gì để xem xét. HĐXX xét thấy, việc bà T thừa nhận nợ đối với bà U cũng đồng nghĩa với việc ông T chồng bà T cũng phải có nghĩa vụ đối với số nợ này vì nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông T, hơn nữa bà T cũng cho rằng bà vay tiền của bà U để làm vốn mua bán nhằm phục vụ cuộc sống trong gia đình. Đối chiếu với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông T phải có nghĩa vụ cùng với bà T trả nợ cho bà U, cho nên yêu cầu khởi kiện của bà U là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, việc bà T hẹn trả dần số nợ trên mỗi tháng 300.000đ không được bà U chấp nhận. Xét thấy, việc bà T, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 466 BLDS 2015 nên cần buộc bà T, ông T có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc 20.000.000đ cho bà U là phù hợp.

[3.1] Xét yêu cầu tính lãi của bà U trên số tiền vay 20.000.000đ từ ngày 23/4/2017 al đến ngày xét xử theo lãi suất Nhà nước, Hội đồng xét xử xét thấy: Các chứng cứ bà U nộp cho Tòa gồm: Biên nhận cầm đồ ngày 18/6/2017 của Tiệm vàng Lợi Phong (bút lục 04); Giấy góp lời ngày 06/7/2017 có chữ ký tên Thủy và Huỳnh Thị T có mặt sau là giấy ghi “Thủy” không ghi cụ thể ngày tháng năm (bút lục 05); Giấy ghi “tiền thiếu Thủy vợ - Thiệp chồng” không ghi ngày tháng năm (bút lục 06); Biên nhận ngày 09/4 không ghi năm có chữ ký tên Thủy và Huỳnh Thị T (bút lục 07) đều không được bà T thừa nhận, hơn nữa trong các biên nhận này không thể hiện rõ thời hạn vay cũng như lãi suất cho nên xác định hợp đồng vay giữa bà U và bà T là vay không kỳ hạn và không lãi suất. Trong trường hợp này, bà T, ông T phải có nghĩa vụ trả khoản tiền lãi chậm trả cho bà U trên số tiền vay tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày tổng kết nợ là ngày 23/4/2017 al (nhằm ngày 18/5/2017 dl) đến ngày xét xử ngày 05/5/2020 với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm là phù hợp. Số tiền lãi chậm trả được tính cụ thể như sau: 20.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) x 35 tháng 20 ngày = 5.920.666 đồng, khấu trừ 7.200.000đ tiền lãi bà T đã đóng còn lại 1.279.334đ và được trừ vào tiền gốc 20.000.000đ còn lại 18.720.666đ. Như vậy, bà T, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà U tổng số tiền 18.720.666đ là phù hợp theo quy định tại các Điều 357, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2] Ngoài ra, bà U còn yêu cầu bà T, ông T phải trả cho bà 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân 05 ly vàng 18k nhưng không được bà T thừa nhận. Nhưng tại phiên tòa, bà U xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải

trả 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân 05 ly vàng 18k. Việc tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bà Huỳnh Thị T, ông Mai Văn T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 936.033đ (18.720.666đ x 5%) do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U đối với yêu cầu bà Huỳnh Thị T, ông Mai Văn T phải trả cho bà 01 chiếc nhẫn trọng lượng 07 phân 05 ly vàng 18k.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U: Buộc bà Huỳnh Thị T, ông Mai Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền **18.720.666đ** (*mười tám triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T, ông Mai Văn T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 936.033đ (*chín trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi ba đồng*).

Bà Nguyễn Thị U được nhận lại số tiền 700.000đ (*bảy trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004126 ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 05/5/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung

năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập